

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2022/HC-PT

Ngày: 10/8/2022

*V/v khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hải Thanh

Bà Nguyễn Phương Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Lê Giang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Đào Trọng Thuyết, Kiểm sát viên cao cấp.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 510/2021/TLPT-HC ngày 19 tháng 11 năm 2021 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6562/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:

1. Anh Quàng VT, sinh năm: 1975; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Chị Nguyễn TH, sinh năm: 1976; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản F, phường F, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Quàng VT, chị Nguyễn TH: Ông Trần NT; địa chỉ: Số 55, tổ dân phố 11, phường MT, thành phố Đ, tỉnh Đ; có mặt.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Lê TD, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Đ; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện: Ông Phạm VS, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ; địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường HL, thành phố Đ, tỉnh Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật của người bị kiện: Ông Lê TD, chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố Đ; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Phạm VS, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ; địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố 9, phường HL, thành phố Đ, tỉnh Đ; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Quàng VP, sinh năm 1952; có mặt.

2. Bà Lò TC, sinh năm 1956; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Quàng VP, bà Lò TC: Anh Quàng VT, sinh năm: 1975; địa chỉ: Bản F, phường F, thành phố Đ, tỉnh Đ; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện anh Quàng VT và chị Nguyễn TH.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự quá trình giải quyết vụ án, các tài liệu có trong hồ sơ và bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Người khởi kiện trình bày:

Cụ Quàng VD, sinh năm 1903, là cụ nội của anh Quàng VT. Quá trình sinh sống, cụ VD có khai hoang được một diện tích gần 4.000 m² đất bãi màu tại địa chỉ hợp tác xã TPP, thị trấn Đ, tỉnh L (nay là bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ). Khoảng năm 1986 cụ VD đã chia 4.000 m² đất cho 03 người con: ông Quàng VP (bố đẻ anh VT) được hơn 2.000 m², ông Quàng VL (em trai ông VP) được hơn 500 m², còn lại chia cho bà Quàng TA khoảng hơn 1.000 m².

Đối với hơn 2.000 m² đất bãi màu của ông Quàng VP, năm 2013 Nhà nước triển khai dự án đầu tư xây dựng công trình kè chống sạt lở bờ sông NR (giai đoạn II), đã thu hồi 2.839,7 m² tại quyết định thu hồi số 251/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 nhưng thực tế ông VP vẫn quản lý sử dụng phần đất này vì dự án chưa triển khai. Đến năm 2016, ông VP tặng cho vợ chồng anh VT, chị TH toàn bộ diện tích đất bãi màu này; vợ chồng anh VT đã trực tiếp sử dụng, canh tác và trồng các loại cây lâu năm như: bưởi, mít, bơ, sầu riêng, xoài, dừa.

Do có sự thay đổi về quy hoạch nên phân đoạn kè sông NR (được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách lúc đó chưa cân đối được) chưa được triển khai mà thay vào đó là Dự án Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 (đầu tư thực hiện dự án bằng hình thức xã hội hóa) nên UBND thành phố Đ đã hủy bỏ Quyết định thu hồi số 251/QĐ-UBND ngày 16/4/2013 tại Quyết định số 565/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 và thực hiện thu hồi đất theo Dự án Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4. Khi cơ quan chức năng đến kiểm đếm đã xác định gia đình anh VT bị thu hồi toàn bộ hơn 2000 m² đất bãi màu. Tại thời điểm kiểm kê, trên đất có trồng các cây lâu năm và hàng năm như:

táo, xoài, bưởi, mít, nhãn, tre, bơ, dừa, giềng, chuối; trong đó phần lớn là các cây lâu năm. Đến ngày 08/5/2020, UBND thành phố đã ban hành quyết định thu hồi và bồi thường số 813 và 804; xác định thu hồi thửa đất số 31, 32 tại tờ bản đồ số 01 tại Mảnh trích đo chỉnh lý trích lục địa chính số 09 năm 2019, quy chủ anh Quảng VT chị Nguyễn TH, diện tích thu hồi là 705,2 m², loại đất trồng cây hàng năm khác.

Không đồng ý với quyết định thu hồi và bồi thường, anh VT và chị TH đã ủy quyền cho bố mẹ là ông Quảng VP, bà Lò TC toàn quyền giải quyết khiếu nại tại UBND thành phố. Đầu tháng 5/2021, gia đình nhận được Quyết định thu hồi bổ sung số 863/QĐ-UBND ngày 06/5/2021, với tổng diện tích thu hồi là 1.702,0 m² tại các thửa 15+16+17+19 tờ bản đồ 01 Mảnh trích đo chỉnh lý trích lục địa chính số 24 năm 2020 Khu tái định cư các hộ dân đường 15 m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ, Hạng mục: Kè bảo vệ bờ sông NR. Đối với khiếu nại về giá đất và yêu cầu bồi thường bằng đất thì UBND đã trả lời tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Quảng VP số 272 ngày 09/2/2021 và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của bà Lò TC số 273 ngày 09/2/2021.

Nhận thấy quyết định bồi thường đối với gia đình tại dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 đến cầu C4 thành phố Đ và các quyết định giải quyết khiếu nại của UBND thành phố Đ đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên anh VT, chị TH khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn TH– Quảng VT).

2. Hủy toàn bộ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của ông Quảng VP, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

3. Hủy toàn bộ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của bà Lò TC, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

4. Buộc UBND thành phố Đ ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024).

5. Kiến nghị UBND thành phố Đ giao một xuất đất tái định cư tại chỗ cho gia đình anh VT theo Thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ thông báo kết luận của đồng chí Phạm VS - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ về đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác, bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với dự án cầu A1 xuống cầu C4 thuộc “Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Đ” và dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân đường 15m từ cầu A1 đến cầu C4.

Người bị kiện là UBND thành phố Đ, Chủ tịch UBND thành phố Đ do người đại diện trình bày:

- Đối với yêu cầu hủy mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 29 đối với hộ gia đình ông Quảng VT và bà Nguyễn TH tại biểu chi tiết theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 của UBND thành phố Đ.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất và mảnh trích đo, chỉnh lý, trích lục địa chính số 09 năm 2019 tờ bản đồ số 01+02+03, khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4, thành phố Đ do Công ty cổ phần Tài nguyên & Môi trường VT thực hiện ngày 10/4/2019; được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ngày 16/4/2019 thì bà Nguyễn TH, ông Quảng VT bị thu hồi diện tích 49,9m² thuộc thửa đất số 31; diện tích 655,3m² thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 01.

Căn cứ các tài liệu, hồ sơ, tờ kê khai, phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông VT, bà TH ngày 05/6/2019 có trong hồ sơ phương án, đã hợp xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của ông VT bà TH có ghi “Thửa đất số 31+32 tờ bản đồ số 01 đất do bố mẹ khai hoang trước năm 1990 để lại cho con” và Quyết định số 813/QĐ-UBND ngày 08/05/2020 về mục thu hồi đất của bà Hà, ông VT để thực hiện đầu tư xây dựng công trình khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ, tỉnh Đ và được bồi thường diện tích 705,2m² (49,9m² đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) thuộc thửa số đất số 31; tờ bản đồ số 1; và 655,3 m² đất bằng trồng cây hàng năm (BHK) thuộc thửa đất số 32, tờ bản đồ số 1) theo quy định tại Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ quy định pháp luật về đất đai và quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đ. Ngày 08/5/2020, UBND thành phố ban hành Quyết định số 804/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Đường từ cầu A1 xuống cầu C4, trong đó có gia đình ông VT, bà TH.

+ Về khối lượng bồi thường về đất đai, tài sản trên đất: Căn cứ giấy tờ về đất đai, hồ sơ địa chính và khối lượng đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất đai, tài sản gắn liền với đất được hộ gia đình ông VT bà TH xác nhận với tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

+ Về đơn giá bồi thường: Căn cứ giá đất cụ thể, giá tài sản, cây cối trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất đối với các thửa đất trong phạm

vi thu hồi để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ, tỉnh Đ tại Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ.

+ Căn cứ điểm đ khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt giá đất cụ thể, giá tài sản trên đất để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất dự án: Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ, việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ, tỉnh Đ (đợt 4), áp giá bồi thường 65.000 đồng/1m² đối với diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình ông VT, bà TH là đúng quy định của pháp luật.

+ Căn cứ khoản 2 Điều 1 của Quyết định ban hành kèm theo Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ về việc ban hành bảng giá đất và quyết định áp dụng bảng giá trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024, việc ông VT, bà TH yêu cầu UBND thành phố Đ thực hiện bồi thường phải áp đơn giá mới sát với giá thị trường (giá đất cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ) là không có cơ sở vì: Việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được thực hiện theo Quyết định của Luật Đất đai năm 2013 và Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 19/06/2019 của UBND tỉnh Đ.

- Đối với yêu cầu UBND thành phố Đ xem xét bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng.

Theo quy hoạch xây dựng được duyệt tại Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 và Quyết định số 1202/QĐ-UBND ngày 21/12/2018 của UBND tỉnh Đ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu vực dọc trục đường Võ Nguyên Giáp đến sông NR thuộc phường NT, thành phố Đ và khu vực phía Tây sông NR thuộc xã V, huyện Đ thì Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 không thực hiện quy hoạch quỹ đất sản xuất nông nghiệp. Mặt khác, hiện nay đất sản xuất nông nghiệp trên địa bàn thành phố đã được giao, công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình cá nhân theo quy định; không có quỹ đất nông nghiệp để bồi thường. Do vậy, việc UBND thành phố Đ ban hành Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020, thực hiện bồi thường bằng tiền đối với diện tích đất nông nghiệp thuộc phạm vi thu hồi của ông VT, bà TH là đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 của Luật Đất đai năm 2013.

- Đối với nội dung hủy Quyết định 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải quyết khiếu nại của bà Lò TC và Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ về việc giải

quyết khiếu nại của ông Quàng VP.

UBND thành phố Đ đề nghị không xem xét hủy bỏ 02 quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Quàng VP, bà Lò TC, vì: Tại mục I của văn bản ngày 09/02/2021 Chủ tịch UBND thành phố Đ đã ban hành các Quyết định số 272/QĐ-UBND và 273/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) đối với ông Quàng VP và bà Lò TC là đúng theo quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, UBND thành phố đã ban hành Quyết định số 2959/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 về phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ, phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 9), trong đó điều chỉnh loại đất thu hồi và bồi thường của hộ anh VT tại Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm và áp dụng giá đất tương ứng với loại đất sau điều chỉnh tại thời điểm thu hồi. Đồng thời, UBND thành phố cũng ban hành Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 về việc đính chính Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/2/2021 và Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/2/2021, trong đó đính chính nội dung xác minh về loại đất thu hồi của hộ anh VT từ đất trồng cây hàng năm sang đất trồng cây lâu năm (gọi tắt là quyết định số 2938).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Quàng VP, bà Lò TC trình bày:

Các ông bà đều nhất trí như lời trình bày của anh VT về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng, việc tặng cho quyền sử dụng đất, quá trình quy chủ, kiểm đếm và thu hồi. Đối với các yêu cầu khởi kiện, ông bà hoàn toàn nhất trí, đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần quyết định bồi thường liên quan đến nhà anh VT, hủy toàn bộ quyết định giải quyết khiếu nại, đề nghị xem xét tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi và cấp 01 suất tái định cư cho nhà anh VT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Quàng VP bà Lò TC là ông Trần NT trình bày:

Thứ nhất, UBND thành phố Đ thu hồi 705,2m² “Đất trồng cây hàng năm khác” của gia đình ông VT, bà TH và được thực hiện bồi thường bằng tiền theo giá đất trồng cây hàng năm là không phù hợp với nguồn gốc, hiện trạng sử dụng đất của ông VT bà TH, vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều 11 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; điểm c khoản 1 Điều 112, khoản 1, 3 Điều 114 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 21, khoản 1 Điều 28 Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và môi trường, không thể áp dụng theo Quyết định số 592/QĐ-UBND ngày 19/6/2019 mà phải có giá đất cụ thể hàng năm mới cho phù hợp với bảng giá đất hiện hành, cụ thể phải áp dụng Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban

hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024. Do đó, đề nghị hủy mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 29 đối với ông Quảng VT và bà Nguyễn TH tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ và mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 01 đối với ông Quảng VT và bà Nguyễn TH tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ.

Thứ hai, UBND thành phố đã thực hiện chế độ hỗ trợ đối với hộ ông VT còn thiếu và mức hỗ trợ chưa hợp lý theo quy tại định Điều 19, Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất. Do đó, đề nghị hủy mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với ông Quảng VT và bà Nguyễn TH tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 01 đối với ông Quảng VT và bà Nguyễn TH tại Biểu chi tiết kèm theo Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ.

Thứ ba, việc áp giá bồi thường về đất trồng cây hằng năm và đất trồng cây lâu năm là quá thấp, đề nghị bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng vì ở địa bàn phường NT, ông VT, bà TH đã bị thu hồi hết đất nông nghiệp (3.330,7 m²) và không còn đất nông nghiệp nào khác. Do đó, cũng phải có 400 m² đất để bồi thường cho ông VT, bà TH để chuyển đổi thành đất ở. Ông VT, bà TH cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200 m² cho đồng bào dân tộc thiểu số) = tổng là 400m² để làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa phương.

Thứ tư, Chủ tịch UBND thành phố Đ đã vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu và việc giải quyết khiếu nại không thỏa đáng, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông Quảng VP, bà Lò TC. Do đó, đề nghị hủy hai quyết định giải quyết khiếu nại (lần đầu) với ông VP và bà TC.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu về:

1. Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4). Cụ thể: Hủy mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn TH– Quảng VT).

2. Hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh

Đ (đợt 9). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường hỗ trợ về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 01 đối với Nguyễn TH– Quảng VT tại Biểu 02 chi tiết kèm theo Quyết định số 2595).

3. Đề nghị UBND thành phố bồi thường 400 m² đất cho ông VT, bà TH để chuyển đổi thành đất ở. Ông VT, bà TH cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200 m² cho đồng bào dân tộc thiểu số = tổng là 400m²) để làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa phương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện nhất trí với ý kiến của người khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết toàn bộ các yêu cầu khởi kiện theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ đã quyết định:

Căn cứ Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; điểm a khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1 Điều 173; Điều 191; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206; Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Căn cứ khoản 4 Điều 11; điểm d khoản 3 Điều 62; điểm a khoản 2 Điều 66; khoản 2, khoản 3 Điều 69; khoản 1, 2 Điều 74; khoản 1 Điều 75; Điều 77; Điều 80 Luật Đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 1 Điều 18, Điều 29, Điều 31, Điều 28 Luật Khiếu nại năm 2011; Căn cứ Điều 3 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 1 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết Luật đất đai; Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính; Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện anh Quảng VT, chị Nguyễn TH về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4). Cụ thể: Hủy a (bồi thường về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn TH– Quảng VT.

- Hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 9). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường hỗ trợ về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 01 đối với Nguyễn TH– Quàng VT tại Biểu 02 chi tiết kèm theo Quyết định số 2595).

- Hủy toàn bộ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của ông Quàng VP, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

- Hủy toàn bộ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của bà Lò TC, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 30/9/2021, anh Quàng VT và chị Nguyễn TH làm đơn kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; cụ thể:

1. Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4). Cụ thể: Hủy a (bồi thường về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn TH– Quàng VT.

2. Hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ Phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 9). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường hỗ trợ về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 01 đối với Nguyễn TH– Quàng VT tại Biểu 02 chi tiết kèm theo Quyết định số 2595).

3. Hủy toàn bộ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của ông Quàng VP, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

4. Hủy toàn bộ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của bà Lò TC, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

5. Buộc UBND thành phố Đ phải ban hành biểu bồi thường mới đối với diện

tích đất đã thu hồi của gia đình; cụ thể:

- Áp dụng giá đất phù hợp với giá đất phổ biến trên thị trường của loại đất có cùng mục đích sử dụng đã chuyển nhượng, giá trúng đấu giá đất theo Quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các chế độ hỗ trợ theo quy định về: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất, hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp, bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

6. Hỗ trợ, bố trí 02 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá, mỗi suất $200\text{ m}^2 = 400\text{ m}^2$.

Anh Quàng VT và chị Nguyễn TH đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện có kháng cáo trình bày: Việc áp dụng pháp luật để tính toán bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất còn thiếu, chưa đúng về giá đất bồi thường; về chính sách hỗ trợ tái định cư và đào tạo nghề; về bồi thường bằng đất. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận các nội dung kháng cáo của anh VT và chị TH; cụ thể:

1. Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ.

2. Hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ.

3. Hủy toàn bộ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ.

4. Hủy toàn bộ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ.

5. Buộc UBND thành phố Đ phải ban hành biểu bồi thường mới đối với diện tích đất đã thu hồi của gia đình anh VT, chị TH và hỗ trợ, bố trí 02 suất đất ở có thu tiền sử dụng đất không qua đấu giá, mỗi suất $200\text{ m}^2 = 400\text{ m}^2$.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu:

+ Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đơn kháng cáo của anh Quàng VT và chị Nguyễn TH làm trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung:

Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST ngày 21/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ giải quyết vụ án, tuyên bác yêu cầu khởi kiện của anh VT, chị TH

về việc yêu cầu hủy một phần Quyết định số 804 ngày 08/5/2020; một phần Quyết định số 2595 ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ; Quyết định số 272 và số 273 cùng ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ. Còn đối với các yêu cầu khởi kiện gồm: Buộc UBND thành phố Đ ban hành Biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất hoặc giá đất bồi thường sát với thị trường, cụ thể theo Quyết định số 53 ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ ban hành Bảng giá đất từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024; Kiến nghị UBND thành phố Đ giao 01 suất đất tái định cư tại chỗ cho gia đình anh VT theo Thông báo số 1350 ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ; Đề nghị UBND thành phố Đ bồi thường 400m² đất cho anh VT, chị TH để chuyển đổi thành đất ở, anh VT và chị TH chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có 02 suất đất ở với diện tích 200m²/suất (cho đồng bào dân tộc thiểu số) thì bản án sơ thẩm nhận định không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên không xem xét giải quyết.

Xét thấy, các yêu cầu khởi kiện trên là những yêu cầu khởi kiện mà người khởi kiện cho rằng khi Nhà nước thu hồi đất thì gia đình anh VT, chị TH phải được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư như đề nghị của gia đình anh VT; việc UBND thành phố Đ không thực hiện các hành vi hành chính trên là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình anh VT. Do đó, đây là những hành vi hành chính phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, thuộc đối tượng giải quyết vụ án hành chính. Bản án sơ thẩm nhận định không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nên đã không xem xét giải quyết là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, xác định việc Bản án sơ thẩm không xem xét giải quyết các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011, Chủ tịch UBND thành phố Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 272 và số 273 cùng ngày 09/02/2021 là đúng thẩm quyền. Khi phát hiện sai sót cần đính chính thì Chủ tịch UBND thành phố Đ phải là người đính chính đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 272 và số 273 cùng ngày 09/02/2021 nhưng Quyết định đính chính số 2938/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 do UBND thành phố Đ ký ban hành là không đúng thẩm quyền. Sai sót này cần kiến nghị Chủ tịch UBND thành phố Đ cần khắc phục, rút kinh nghiệm.

Mặt khác, Quyết định giải quyết khiếu nại số 272 và số 273 cùng ngày 09/02/2021 là do Chủ tịch UBND thành phố Đ ký ban hành nhưng tại Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST ngày 21/9/2021 của TAND tỉnh Đ lại tuyên bác yêu cầu khởi kiện hủy các Quyết định giải quyết khiếu nại số 272 và số 273 cùng ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ là không chính xác.

Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 193; khoản 3 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST ngày 21/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ được thẩm tra công khai tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của anh Quàng VT và chị Nguyễn TH làm, gửi trong thời hạn được quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính và đã nộp tiền tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa vắng mặt những người khởi kiện có kháng cáo nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có mặt người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện có kháng cáo; vắng mặt những người bị kiện và đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; có mặt 01 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Quàng VP; bà Lò TC đã được triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ ý kiến của các đương sự có mặt tại phiên tòa và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Hội đồng xét xử tiến hành việc xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.3] Về thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện và quyền khởi kiện: Bản án sơ thẩm xác định quyền khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Đ là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3; Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 2 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về xác định đối tượng khởi kiện:

- Ngày 13/3/2021 và ngày 29/3/2021 anh Quàng VT, chị Nguyễn TH làm đơn khởi kiện yêu cầu:

+ Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường về đất) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn TH– Quàng VT).

+ Hủy toàn bộ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của ông Quàng VP, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

+ Hủy toàn bộ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ giải quyết khiếu nại của bà Lò TC, bản E, phường NT, thành phố Đ, tỉnh Đ (lần đầu).

+ Buộc UBND thành phố ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024).

+ Kiến nghị UBND thành phố Đ giao một suất đất tái định cư tại chỗ cho gia đình anh VT theo Thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ thông báo kết luận của đồng chí Phạm VS - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ về đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác, bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với dự án cầu A1 xuống cầu C4 thuộc “Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Đ” và dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân đường 15m từ cầu A1 đến cầu C4.

- Tại phiên toà sơ thẩm, anh Quàng VT, chị Nguyễn TH bổ sung yêu cầu khởi kiện:

+ Hủy một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về việc phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 4). Cụ thể: Hủy mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 29 đối với Nguyễn TH– Quàng VT).

+ Hủy một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ về phê duyệt phương án, dự toán kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện đầu tư xây dựng Khu tái định cư các hộ dân đường 15m từ cầu A1 xuống cầu C4 thành phố Đ phạm vi thu hồi đất thực hiện Dự án khác theo Quyết định số 1286/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND tỉnh Đ (đợt 9). Cụ thể: Hủy mục a (bồi thường hỗ trợ về đất) và mục d (chế độ hỗ trợ) thuộc số thứ tự 01 đối với Nguyễn TH– Quàng VT tại Biểu 02 chi tiết kèm theo Quyết định số 2595).

+ Đề nghị UBND thành phố bồi thường 400m² đất cho ông VT, bà TH để chuyển đổi thành đất ở. Ông VT, bà TH cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200 m² cho đồng bào dân tộc thiểu số = tổng là 400m²) để là làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa

phương.

Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân tỉnh Đ chấp nhận xem xét, giải quyết yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với các yêu cầu về: huỷ một phần Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 08/5/2020; một phần Quyết định số 2595/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND thành phố Đ, tỉnh Đ; huỷ toàn bộ Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021; huỷ toàn bộ Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 của UBND thành phố Đ là đúng đối tượng khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, đối với các yêu cầu khởi kiện khác gồm: Buộc UBND thành phố ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024); đề nghị UBND thành phố bồi thường 400 m² đất cho ông VT, bà TH để chuyển đổi thành đất ở. Ông VT, bà TH cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200 m² cho đồng bào dân tộc thiểu số = tổng là 400m²) để làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa phương thì bản án sơ thẩm của Tòa án nhân tỉnh Đ nhận định: “... Đối với các đề nghị của người khởi kiện về: Buộc UBND thành phố ban hành biểu tính toán bồi thường mới đối với diện tích đất đã bị thu hồi, cụ thể: Bồi thường bằng đất (đất trồng cây hàng năm, lâu năm) có cùng mục đích sử dụng khu thu hồi đất; hoặc giá đất bồi thường sát với giá thị trường, cụ thể theo quyết định số 53/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đ, Ban hành bảng giá đất và quy định áp dụng bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024). Kiến nghị UBND thành phố Đ giao một suất đất tái định cư tại chỗ cho gia đình anh VT theo Thông báo số 1350/TB-UBND ngày 10/9/2020 của UBND thành phố Đ thông báo kết luận của đồng chí Phạm VS - Phó Chủ tịch UBND thành phố Đ về đẩy nhanh tiến độ thực hiện công tác, bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với dự án cầu A1 xuống cầu C4 thuộc “Chương trình đô thị miền núi phía bắc thành phố Đ” và dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư cho các hộ dân đường 15m từ cầu A1 đến cầu C4. Đề nghị UBND thành phố bồi thường 400m² đất cho ông VT, bà TH để chuyển đổi thành đất ở. Ông VT, bà TH cũng chấp nhận việc nộp tiền sử dụng đất không qua hình thức đấu giá để có: 02 suất đất ở x (mỗi suất là 200 m² cho đồng bào dân tộc thiểu số = tổng là 400m²) để là làm kế sinh nhai cho gia đình tại địa phương. Đây không phải là đối tượng khởi kiện trong vụ án hành chính và cũng không thuộc thẩm quyền giải quyết của HĐXX theo quy định tại Điều 3, Điều 191, Điều 193/LTTHC nên HĐXX không xem xét...” là chưa phù hợp với quy định của pháp luật.

Đây là các yêu cầu khởi kiện mà người khởi kiện cho rằng khi Nhà nước thu

hồi đất thì gia đình anh VT, chị TH phải được bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; việc UBND thành phố Đ không thực hiện các yêu cầu trên theo anh VT, chị TH là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình nên mới khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, đây là những yêu cầu khởi kiện về hành vi hành chính trong việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; thuộc đối tượng khởi kiện và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân được quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính. Bản án sơ thẩm không xem xét, đánh giá, nhận định để giải quyết các yêu cầu khởi kiện này của người khởi kiện là giải quyết không đầy đủ các yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

[2.2] Về đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện:

Quyết định số 272/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 giải quyết khiếu nại của ông Quàng VP và Quyết định số 273/QĐ-UBND ngày 09/02/2021 giải quyết khiếu nại của bà Lò TC là các quyết định giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch của UBND thành phố Đ nhưng tại Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 đính chính các sai sót của các quyết định giải quyết khiếu nại nêu trên lại do UBND thành phố Đ ban hành là không đúng thẩm quyền.

Khi xem xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với yêu cầu huỷ Quyết định số 272/QĐ-UBND và Quyết định số 273/QĐ-UBND cùng ngày 09/02/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Đ; bản án sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá tính hợp pháp về thẩm quyền ban hành quyết định hành chính có liên quan là Quyết định số 2938/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND thành phố Đ để bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là chưa chính xác.

[3] Như vậy, bản án sơ thẩm đã có những vi phạm nghiêm trọng về tố tụng, nội dung như đã phân tích trên mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần huỷ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Đ thụ lý, xét xử sơ thẩm lại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

[4] Về án phí: Do bản án sơ thẩm bị huỷ để giải quyết lại vụ án nên án phí hành chính sơ thẩm của anh Quàng VT và chị Nguyễn TH đã nộp sẽ được xác định lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án. Anh Quàng VT và chị Nguyễn TH không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho anh Quàng VT và chị Nguyễn TH số tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3, khoản 4 Điều 3; khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; khoản 1 Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí kèm theo:

1. Huỷ Bản án hành chính sơ thẩm số 09/2021/HC-ST, ngày 21 tháng 9 năm

2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

2. Giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Đ thụ lý, xét xử sơ thẩm lại theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm anh Quàng VT và chị Nguyễn TH đã nộp do Tòa án nhân dân tỉnh Đ xác định lại khi xét xử sơ thẩm lại vụ án.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Anh Quàng VT và chị Nguyễn TH không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm; hoàn trả cho anh Quàng VT và chị Nguyễn TH số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000003 ngày 05/10/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đ.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Cục THADS tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, VP, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Dũng